TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2019/DS-ST Ngày 30-7-2019 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Đức Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhật Chiến - Bà Nguyễn Thị Loan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2019/TLST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXX-ST ngày 16/5/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX-ST ngày 05/6/2019, Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 16/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Đ.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - Luật sư, Văn phòng Luật sư V và Cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số * đường B, phường Đ, thành phố L; vắng mặt.

- *Bị đơn:* 1. Ông Nông Minh G (Nông Văn G) vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị B; có mặt

Cùng nơi cư trú: Tổ * khối *, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2018, bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Ngô Thị Đ trình bày: Vào năm 2008 khi Nhà nước chi trả tiền thu hồi đất khu vực N để xây dựng khu dân cư, gia đình bà được thanh toán một khoản tiền chưa dùng đến. Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên vào các tháng 8, 10 và 11/2008, bà cho ông Nông Minh G vay ba lần tổng số tiền là 95.000.000 đồng và sang năm 2009 cho bà Hoàng Thị B là vợ ông Nông Minh G vay bốn lần với tổng số tiền là 175.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng ông Nông Minh G và bà Hoàng Thị B đã vay bảy lần với số tiền là 270.000.000 đồng các giấy vay tiền này chúng tôi đều thống nhất là loại vay tiền không có kỳ hạn.

Do khoản tiền cho vay khá lớn, lại không trả lãi nên từ năm 2017, bà đã đến nhà ông Nông Minh G để yêu cầu thanh toán số tiền đã vay nêu trên, (chủ yếu là nói miệng) nhưng vợ chồng ông Nông Minh G cứ nói sang chuyện khác mặt khác còn không muốn tiếp bà, đến nay đã 10 năm chưa trả.

Nay bà yêu cầu ông Nông Minh G và bà Hoàng Thị B phải trả khoản tiền gốc là 270.000.000 đồng và phải trả lãi theo thỏa thuận với mức lãi suất là 0,65/tháng cho đến nay là 164.970.000 đồng. Tổng cộng là434.970.000 đồng.

- Bị đơn bà Hoàng Thị B và ông Nông Minh G (Nông Văn G) trình bày: Thừa nhận về mối quan hệ và số tiền đã nhận thông qua bảy lần lập giấy vay tiền. Nguyên nhân là từ đầu năm 2008 gia đình bà Ngô Thị Đ đang tranh chấp đất đai với gia đình ông Lăng Văn N ở thôn Đ, xã H và gia đình bà Ngô Thị Đ bị thua kiện ở cả Tòa án hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm của tỉnh Lạng Sơn. Qua mối quan hệ bà Ngô Thị Đ biết vợ chồng bà có người nhà đang công tác ở Hà Nội nhờ khiếu nại đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nên đã nhờ vợ chồng tôi giúp đỡ và bà Ngô Thị Đ tự chịu chi phí Ngày 24/8/2008, ông Nông Văn G viết giấy nhận tiền lần thứ nhất số tiền 20.000.000 đồng. Đây là việc nhạy cảm nên trong giấy nhận tiền chỉ ghi nội dung sử dụng làm công việc riêng nếu không được kết quả sẽ hoàn trả lại cho bà Đ và không tính lãi. Tổng số tiền là270.000.000 đồng đã nhận với bà Ngô Thị Đ tại gia đình bà để sử dụng vào việc đi lại giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm vụ án tranh chấp đất đai của bà Ngô Thị Đ đã được Tòa án nhân dân tối cao đã xử giám đốc thẩm xử hủy cả hai bản án của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn và Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn để xét xử lại theo hướng giải quyết đất đai tranh chấp cho bà Ngô Thị Đ được quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, sau khi có bản án giám đốc thẩm phía ông Lăng Văn N không tranh chấp và không theo kiện nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Năm 2017 bà Ngô Thị Đ đến nhà ông, bà cho biết do phía ông N không ký giáp ranh thửa đất nên bà Đ không làm được thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có ý đòi lại số tiền 270.000.000 đồng nên không đồng ý; tuy nhiên đã đưa cho bà Ngô Thị Đ 11.000.000 đồng khi tổ chức đám cưới cho con gái và con trai, nhưng không làm giấy tờ gì

Tại phiên hòa giải ngày 08 tháng 5 năm 2019 các đương sự thống nhất: Bà Hoàng Thị B đồng ý thanh toán cho Bà Ngô Thị Đ 270.000.000 đồng tiền gốc

và 80.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền là 350.000.000 đồng. Ngày 13/5/2019 bà Ngô Thị Đ có đơn khiếu nại biên bản hòa giải thành và yêu cầu ông Nông Minh G và Hoàng Thị B phải trả khoản tiền gốc là 270.000.000 đồng của bảy lần vay và phải trả lãi theo thỏa thuận với mức lãi xuất là 0,65/tháng là 164.970.000 đồng; tổng cộng là 434.970.000 đồng.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết các bên đã thống nhất: Giấy vay tiền lập thành bảy giấy biên nhận tiền.

Các tình tiết không thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu ông Nông Văn G và Hoàng Thị B phải trả khoản tiền gốc là 270.000.000 đồng và phải trả lãi theo thỏa thuận với mức lãi suất là 0,65/tháng là 164.970.000 đồng; tổng cộng là 434.970.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi theo giấy vay tiền lập ngày 04/3/2009, thời hạn tính từ ngày 01/4/2009 và khoản tiền lãi theo giấy vay tiền lập ngày 01/7/2009, thời hạn tính từ ngày 01/8/2009; tổng cộng là 100.000.000 đồng, theo mức lãi suất ghi trên hợp đồng vay là 0,65%/ tháng. Tổng tiền lãi của hai hợp đồng vay là 65.000.000 đồng; tổng cộng là 165.000.000 đồng và khoản tiền gốc của năm lần vay không tính lãi là 170.000.000 đồng. Tổng cộng là 335.000.000 đồng và bị đơn Hoàng Thị B cũng hoàn toàn đồng ý. Thấy rằng việc thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được nội dung vụ án. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn Nông Minh G (Nông Văn G) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Theo 07 (bảy) giấy nhận tiền do nguyên đơn cung cấp tại Tòa án thể hiện từ ngày 24/8/2008 cho đến ngày 18/12/2009 bà Ngô Thị Đ cho ông Nông Minh G và bà Hoàng Thị B vay 270.000.000 đồng. Đến năm 2017 phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán, tuy nhiên các bị đơn vẫn chưa thanh toán dẫn đến phát sinh tranh chấp. Thời điểm lập giấy vay tiền và hiện nay nguyên đơn và bị đơn cùng cư trú trên địa bàn thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn thụ lý giải quyết vụ án với quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về lãi suất: Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có quy định: Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng có lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 hướng dẫn tại khoản 1 Điều này khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Mức lãi suất thỏa thuận không vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo nội nội dung trên các giấy nhận nợ (vay tiền) ghi ngày 04/3/2009 với số tiền 20.000.000 đồng và giấy vay tiền lập ngày 01/7/2009 số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất ghi 0,65%/tháng tương ứng với 7,8%/năm được xác lập trước ngày 01/01/2017 ngày Bộ luật Dân sự 2015 bắt đầu có hiệu lực pháp luật; tuy nhiên đến nay các bị đơn vẫn chưa thực hiện. Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 quy định: Hợp đồng chưa được thực hiện mà lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngô Thị Đ cho rằng trong năm 2008 và 2009 đã cho ông Nông Minh G và bà Hoàng Thị B vay bảy lần tiền, trong đó có 05 (năm) lần số tiền là 170.000.000 đồng, ông Nông Minh G vay không ghi thời hạn và không có lãi. Đối với giấy vay tiền do bà Hoàng Thị B lập ngày 04/3/2009, số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,65%/tháng; thời hạn tính từ ngày 01/4/2009 và Giấy vay tiền lập ngày 01/7/2009, số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,65%/tháng, thời hạn tính từ ngày 01/8/2009; tổng cộng là 100.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử (30/7/2019) khoản tiền lãi còn nhiều hơn, tuy nhiên bà chỉ yêu cầu ông Nông Minh G và bà Hoàng Thị B trả 65.000.000 đồng tiền lãi; tổng là 165.000.000 đồng và 170.000.000 đồng ông Nông Minh G vay năm lần, không tính lãi. Tổng cộng là 335.000.000 đồng và bị đơn Hoàng Thị B cũng hoàn toàn đồng ý. Thấy rằng việc thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 275, 280; 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2, 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Buộc các bị đơn Nông Minh G (Nông Văn G) và Hoàng Thị B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngô Thị Đ 335.000.000 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí Ông Nông Văn G và bà Hoàng Thị B phải chịu 16.750.000 đồng (mười sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả bà Ngô Thị Đ 21.398.800 đồng (hai mươi mốt triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng) theo biên lai số AA/2012/03009 ngày 03/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Đức Hải